

Phụ lục.

HƯỚNG DẪN BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG MỘT SỐ BỆNH NGUY HIỂM TRÊN CÁ RÔ PHI

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TSKN ngày tháng năm 2026 của Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư)

I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Tài liệu này hướng dẫn biện pháp phòng, chống một số bệnh nguy hiểm thường gặp trên cá rô phi nuôi tại Việt Nam. Các hướng dẫn trong tài liệu nhằm hỗ trợ phát hiện sớm, xử lý kịp thời các bệnh nguy hiểm trên cá rô phi, giảm thiểu thiệt hại trong nuôi trồng thủy sản, góp phần bảo đảm an toàn dịch bệnh, nâng cao hiệu quả sản xuất và đáp ứng yêu cầu về an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc trong chuỗi sản xuất thủy sản.

2. Đối tượng áp dụng

Tài liệu này áp dụng đối với: (1) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản, thú y thủy sản ở Trung ương và địa phương trong việc hướng dẫn, tổ chức triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh trên cá rô phi; (2) Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động sản xuất giống và nuôi cá rô phi; (3) các đơn vị nghiên cứu; tổ chức, cá nhân làm công tác xét nghiệm, chẩn đoán bệnh thủy sản, dịch vụ thú y thủy sản tham gia công tác giám sát, chẩn đoán và hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh.

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ BỆNH

1. Bệnh do vi khuẩn *Streptococcus*

a) Tên bệnh: Bệnh xuất huyết, bệnh liên cầu khuẩn trên cá rô phi do vi khuẩn *Streptococcus spp.* gây ra

b) Tác nhân gây bệnh: vi khuẩn Gram dương *Streptococcus spp.* (thường gặp *S. agalactiae* và *S. iniae*)

c) Một số đặc điểm dịch tễ:

- Loài cảm nhiễm: Thường gặp trên tất cả các loài cá nhưng phổ biến nhất là trên cá rô phi

- Vi khuẩn *Streptococcus spp.* phát triển mạnh trong môi trường nước bẩn, mật độ nuôi cao, khí độc cao (NH_3 và H_2S) và nhiệt độ cao ($30 - 37^\circ\text{C}$) gây chết cá hàng loạt, có khi lên tới 60 - 100%. Dấu hiệu đặc trưng là cá lồi mắt, đục mắt, xuất huyết gốc vây, bơi xoắn ốc hoặc lơ đờ. Bệnh xuất hiện ở hầu hết các giai đoạn phát triển của cá. Thường xảy ra khi cá bị sốc hay trong thời tiết bất lợi, chuyển mùa.

- Bệnh lây lan theo chiều ngang, từ cá bệnh sang cá khỏe trong cùng ao nuôi, trại nuôi, qua nguồn nước, dụng cụ, ...

d) Dấu hiệu bệnh lý:

- Trạng thái hoạt động: Cá lơ đờ, bơi không định hướng (bơi xoắn ốc, vòng tròn), trường hợp nặng sẽ bơi nghiêng mình trên mặt nước và quay tròn sau đó chết, nổi lơ đờ trên tầng mặt hoặc dạt vào bờ. Cá có dấu hiệu hôn mê, mất phương hướng do vi khuẩn tấn công vào hệ thần kinh trung ương.

Bên ngoài: Mắt lồi, đục một hoặc hai bên. Cơ thể sẫm màu (đen thân). Xuất huyết ở gốc vây, quanh miệng, nắp mang, tuột vảy và có thể có vết lở loét.

Bên trong: Xoang bụng chứa dịch vàng/trắng, gan và thận sưng to, lách sưng, gan tái nhợt. Ở giai đoạn nhiễm trùng sẽ xuất hiện các dấu hiệu xuất huyết, viêm gan, thận, lá lách, tim, mắt và ống ruột. Lách thường có dấu hiệu sưng. Khi bệnh nặng, thường bội nhiễm với những vi khuẩn cơ hội khác như *Aeromonas spp* ở nước ngọt và *Vibrio spp* ở nước lợ.

đ) Chẩn đoán xét nghiệm:

Xét nghiệm bằng phương pháp PCR hoặc phương pháp nuôi cấy phân lập vi khuẩn theo tiêu chuẩn TCVN 8710-21:2019 tại phòng thử nghiệm đủ năng lực quy định tại khoản 19, 20 và 21 Điều 1 Thông tư số 12/2024/TT-BNNPTNT.

2. Một số bệnh khác do vi khuẩn

2.1 Bệnh trắng mang, thối mang (do vi khuẩn *Myxococcus piscicolas*)

- Bệnh thường gặp trên nhiều loài cá nước ngọt trong đó có cá rô phi. Bệnh thối mang thường kết hợp bệnh nhiễm trùng máu, xuất huyết do vi khuẩn *Aeromonas spp* và *Pseudomonas spp*.

- Điều kiện phát sinh: Vi khuẩn phát triển mạnh ở pH 6.5 - 7.5, nhiệt độ từ 25 - 35⁰C. Bệnh thường xuất hiện vào mùa xuân, đầu hè hoặc mùa thu. Bệnh hay xảy ra trên cá nuôi ở lồng, bè mật độ cao, nước lưu thông kém và ở cá nuôi ao có nhiều mùn bã hữu cơ.

- Dấu hiệu bệnh lý: Cơ thể cá sẫm màu, tách đàn, bơi lơ đờ trên mặt nước, giảm bắt mồi, xương nắp mang bị biến dạng. Tơ mang bị thối rách, ăn mòn, dính bết vào nhau và nhợt nhạt, chất nhầy tiết ra nhiều gây cản trở hô hấp. Bề mặt xương nắp mang bị xuất huyết, ăn mòn và có hình dạng không bình thường.

2.2. Bệnh xuất huyết, viêm ruột (do vi khuẩn *Aeromonas hydrophila*)

- Điều kiện phát sinh: Xuất hiện nhiều trên cá diêu hồng nuôi bè và các loài cá nước ngọt. Bệnh xuất hiện quanh năm, nhiều nhất là vào mùa mưa, khi chất lượng nước thay đổi, hàm lượng NH₃ quá cao làm cá yếu. Cá có thể nhiễm vi khuẩn ở cả giai đoạn giống và giai đoạn trưởng thành. Đặc biệt khi cá bị xây xước, vi khuẩn sẽ xâm nhập qua các vết thương trên bề mặt da và theo đường tiêu hóa vào cơ thể cá. Với cường độ nhiễm cao, cá sẽ xuất hiện các triệu chứng nặng dẫn tới chết.

- Dấu hiệu bệnh lý: Cá bị xuất huyết cục bộ, bụng trương rất to, hậu môn, bụng sưng và tích dịch.

2.3. Bệnh xuất huyết (do vi khuẩn *Edwardsiella spp*)

- Điều kiện phát sinh: Xuất hiện nhiều trên cá diêu hồng nuôi bè, bệnh xuất hiện nhiều nhất là vào mùa hè, mùa mưa, khi các chất lượng nước thay đổi, nhiệt độ khoảng 28 - 32⁰C. Cá có thể nhiễm vi khuẩn ở cả giai đoạn giống lẫn giai đoạn trưởng thành. Đặc biệt khi cá bị xây xước, vi khuẩn sẽ xâm nhập qua các vết thương trên bề mặt da và theo đường tiêu hóa vào cơ thể cá. Với cường độ nhiễm cao, cá sẽ xuất hiện các triệu chứng nặng dẫn tới chết.

- Dấu hiệu bệnh lý: Cá bị xuất huyết, lồi mắt, xuất hiện u trắng ở gan.

* Chẩn đoán xét nghiệm:

Xét nghiệm bằng phương pháp PCR hoặc phương pháp nuôi cấy phân lập vi khuẩn, tham khảo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8710-15:2015 về Bệnh thủy sản - Quy trình chẩn đoán Bệnh nhiễm trùng do *Aeromonas hydrophila* ở cá tại phòng thử nghiệm đủ năng lực quy định tại khoản 19, 20 và 21 Điều 1 Thông tư số 12/2024/TT-BNNPTNT.

3. Bệnh do vi rút Tilapia lake virus (TiLV)

a) Tên bệnh: Bệnh do vi rút Tilapia lake virus (TiLV) hay *tilapia tilapinevirus*. TiLV còn được biết đến với các tên khác như bệnh viêm gan hợp bào ở cá rô phi (Syncytial hepatitis of tilapia, SHT), hội chứng chết cá rô phi một tháng (Tilapia one month mortality syndrome, TOMMS), hay hội chứng chết mùa hè (Summer mortality syndrome, SMS)

b) Tác nhân gây bệnh: TiLV có vật chất di truyền là RNA mạch đơn (RNA) có tên *tilapia tilapinevirus* thuộc giống mới *tilapinevirus* và họ *Amnoonviridae*.

c) Một số đặc điểm dịch tễ:

- Loài cảm nhiễm: Vi rút TiLV gây bệnh ở các loài cá rô phi nuôi, gồm: Cá rô phi vằn (Nile tilapia, *Oreochromis niloticus*), cá rô phi lai tạo (*O. niloticus* × *O. aureus hybrids*) và cá rô phi đỏ/cá diêu hồng (*Oreochromis sp.*). Các loài cá rô phi hoang dã như cá rô phi xanh (*Oreochromis aureus*), cá rô phi Mango (*Sarotherodon galilaeus*), Tilapia zilli (*Coptodon zillii*) và *Tristamellasimonis intermedia* cũng mắc cảm với vi rút này.

- Tỷ lệ chết trong các ổ dịch tự nhiên có thể lên đến 90%; bệnh xuất hiện ở mọi lứa tuổi nhưng chủ yếu tập trung ở cá giống (cá con). Giống cá diêu hồng nuôi lồng bị nhiễm bệnh, tỷ lệ chết có thể lên tới 90% trong vòng một tháng sau thả.

- Bệnh lây lan theo chiều ngang, từ cá bệnh sang cá khỏe trong cùng ao nuôi, trại nuôi, qua nguồn nước, dụng cụ, Mầm bệnh có thể tồn tại ở nhớt cá, gan và ruột cá trong vòng hai tuần. Vì vậy khi có cá bị nhiễm TiLV thì khả năng

lây lan trong quần đàn là rất lớn, đặc biệt với các mô hình nuôi cá rô phi với mật độ cao.

- TiLV sống được cả trong môi trường nước ngọt và nước lợ, vi rút có thể tồn tại đến 14 ngày trong chất nhầy của cá.

- Khi bị nhiễm virus TiLV nặng, cá thường bị suy giảm miễn dịch mạnh, tạo điều kiện cho vi khuẩn cơ hội (như *Aeromonas spp.*, *Streptococcus spp.*) xâm nhập dẫn đến bội nhiễm và làm tăng tỷ lệ chết cao.

d) Dấu hiệu bệnh lý:

- Bệnh gây tỷ lệ chết cao trong đàn cá nuôi, đặc biệt ở cá nhỏ, do đó khi thấy có hiện tượng cá rô phi nuôi chết nhiều, không rõ nguyên nhân thì có thể nghi đây là bệnh do vi rút TiLV gây ra.

- Các triệu chứng bệnh tích đại thể của cá nhiễm bệnh: Cá giảm hoặc bỏ ăn, màu sắc cơ thể biến đổi (cá rô phi vẫn bị sẫm màu –và cá điêu hồng bị nhợt nhạt –); có hiện tượng tuột vẩy hoặc vẩy phồng rộp; mắt sưng (mắt đỏ), co rút nhãn cầu và mờ đục thể tinh thể (đục thủy tinh thể); bụng trướng do tích dịch hoặc sưng to của lá lách và cơ quan nội tạng khác. Da cá có thể bị bào mòn dẫn tới các tổn thương xuất huyết.

- Các dấu hiệu bệnh lý vi thể: Sự hình thành đa nhân trong tế bào gan (viêm gan hợp bào); tổn thương ở não bao gồm phù nề, xuất huyết màng não, tắc nghẽn mao mạch ở cả phần chất trắng và chất xám, thoái hóa thần kinh. Viêm mắt bao gồm sưng mắt và biến đổi đục thể tinh thể, tắc nghẽn các cơ quan nội tạng với các ổ viêm thần kinh đệm, tăng sinh tế bào hắc tố trong gan và lá lách.

đ) Chẩn đoán xét nghiệm:

Xét nghiệm bằng kỹ thuật Semi nested RT - PCR theo tiêu chuẩn TCVN 8710-27:2023 hoặc kỹ thuật Realtime RT PCR tại phòng thử nghiệm đủ năng lực quy định tại khoản 19, 20 và 21 Điều 1 Thông tư số 12/2024/TT-BNNPTNT.

III. CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH

Hiện nay, các bệnh do vi rút chưa có thuốc điều trị, với bệnh vi khuẩn việc điều trị là vô cùng khó khăn và tốn kém, do vậy cần tập trung các biện pháp đảm bảo an toàn sinh học, nâng cao hiệu quả công tác phòng bệnh cho thủy sản.

Ngoài áp dụng quy trình nuôi theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thủy sản, cơ sở cần lưu ý thực hiện một số hướng dẫn trong phòng, chống bệnh, cụ thể như sau:

1. Phòng, chống dịch bệnh

a) Đối với cơ sở nuôi cá bố mẹ

- Nguồn nước cấp vào ao cho qua lưới lọc nhằm loại bỏ sinh vật trung gian và tạp chất. Nước phải được xử lý đảm bảo chất lượng theo quy định tại TCVN 13952:2024 nước nuôi trồng thủy sản - nước ngọt - yêu cầu chất lượng.

- Cá bố mẹ có nguồn gốc rõ ràng, đạt yêu cầu về chất lượng, khỏe mạnh, không có dấu hiệu mắc bệnh. Đáp ứng quy định tại Thông tư 16/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản và Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản và các quy định hiện hành.

- Thức ăn: Sử dụng thức ăn không mang mầm bệnh, đủ hàm lượng đạm đáp ứng nhu cầu ở từng giai đoạn phát triển của cá. Các loại thức ăn tổng hợp và tự chế biến phải được bảo quản tốt, tránh để nhiễm nấm mốc và nhiễm khuẩn; thức ăn tươi sống phải được xử lý, đảm bảo không mang mầm bệnh khi cho cá ăn.

- Sử dụng thuốc, thức ăn, sản phẩm xử lý môi trường theo quy định hiện hành.

b) Đối với cơ sở sản xuất, ương dưỡng cá giống

- Nước cấp vào ao nuôi phải được xử lý đảm bảo chất lượng (như cho qua lưới lọc hai lớp, khử trùng bằng hóa chất, chế phẩm được phép sử dụng theo khuyến cáo của nhà sản xuất hoặc hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thủy sản), đảm bảo an toàn dịch bệnh.

- Các bể đẻ, bể vây phải được vệ sinh, khử trùng trước và sau khi sử dụng.

- Sử dụng các dụng cụ riêng cho từng bể và thực hiện vệ sinh khử trùng sau mỗi lần sử dụng.

- Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn sinh học khác như quản lý người, động vật, phương tiện,... ra vào khu vực sản xuất.

- Thực hiện quản lý và kiểm soát lượng thức ăn cho cá hợp lý nhằm hạn chế thất thoát và giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước ao nuôi; thường xuyên theo dõi, kiểm tra để kịp thời điều chỉnh khẩu phần ăn phù hợp với từng giai đoạn sinh trưởng;

+ Các loại thức ăn tổng hợp cần bảo quản tốt, tránh bị nhiễm nấm mốc và nhiễm khuẩn; thức ăn tươi sống, tự chế biến cần phải được xử lý đảm bảo không còn mầm bệnh trước khi cho ăn.

- Quản lý sức khỏe cá:

+ Bổ sung các loại vitamin, khoáng,... để tăng sức đề kháng cho cá trước và trong thời kỳ bệnh thường xảy ra;

+ Kiểm tra các yếu tố môi trường ao/bể ương: Hàm lượng oxy hòa tan (DO), pH (hàng ngày); độ kiềm (02 ngày/lần); H₂S, NH₃/NH₄ (01 tuần/lần) để có biện pháp xử lý thích hợp khi có dấu hiệu bất thường. Đối với các thông số môi trường vượt ngưỡng cho phép, thực hiện xử lý theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thủy sản;

+ Thực hiện chế độ thay nước phù hợp cho ao/bể ương nhằm cải thiện chất lượng nước, bảo đảm môi trường sống ổn định và thuận lợi cho cá sinh trưởng;

+ Khi cá có dấu hiệu bất thường (như bỏ ăn hay bơi lội mất định hướng) đặc biệt sự tăng lên đột ngột về tỷ lệ cá chết (lớn hơn 2% mỗi ngày) liên tục trong vài ngày trong những tháng mùa hè ở tất cả các giai đoạn phát triển của cá, phải thông báo ngay cho cho nhân viên thú y xã và ủy ban nhân dân xã (UBND) hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thủy sản hoặc thú y nơi gần nhất để kiểm tra, kịp thời xác định tác nhân gây bệnh.

- Các bệnh do vi rút, không có thuốc điều trị đặc hiệu, do vậy chỉ áp dụng các biện pháp phòng bệnh, an toàn sinh học và thực hành nuôi tốt.

Chỉ sử dụng thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học trong Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam hoặc được cơ quan có thẩm quyền cho phép và theo hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y hoặc thủy sản. Nghiêm sử dụng trước khi thu hoạch theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

Để xử lý môi trường nước, tăng sức đề kháng cho thủy sản, chỉ được sử dụng thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học trong Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam hoặc được cơ quan có thẩm quyền cho phép và theo hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành về thủy sản hoặc thú y.

Có biện pháp ngăn chặn các vật chủ trung gian (các loài chim ăn cá) có thể mang tác nhân gây bệnh vào khu vực nuôi.

- Việc xử lý cá bệnh và cá chết phải được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn của UBND cấp xã hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thủy sản hoặc thú y.

- Con giống trước khi xuất bán phải thực hiện kiểm dịch theo quy định, đảm bảo không nhiễm mầm bệnh.

- Khuyến khích sử dụng vắc xin phòng bệnh theo hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thủy sản hoặc thú y.

c. Đối với cơ sở nuôi cá thương phẩm

Áp dụng các biện pháp tổng hợp phòng bệnh, quản lý ao nuôi theo quy định của pháp luật về thú y và khuyến cáo của các cơ quan chuyên ngành thủy sản, thú y, trong đó lưu ý một số nội dung sau:

- Sử dụng con giống khỏe mạnh, nguồn gốc rõ ràng và được kiểm dịch theo quy định.

- Mật độ thả nuôi theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thủy sản, đảm bảo mật độ thích hợp cho cá phát triển tốt.

- Sử dụng lượng thức ăn vừa đủ, tránh dư thừa giúp giảm lượng chất thải trong ao nuôi, góp phần giảm ô nhiễm môi trường nước, hạn chế sự phát triển và truyền lây của tác nhân gây bệnh.

- Theo dõi sức khỏe cá hằng ngày (màu sắc, khả năng hoạt động, lượng thức ăn tiêu thụ); kiểm tra màu nước, các chỉ tiêu môi trường, sự xuất hiện của

các yếu tố dịch hại để phát hiện sớm, xử lý kịp thời, đặc biệt cá ở giai đoạn dưới 5 tháng tuổi và giai đoạn chuyển mùa; có thể lấy mẫu định kỳ cá ở giai đoạn này để kiểm tra tác nhân gây bệnh trên mang, bóng hơi, gan, thận và cơ.

- Tăng cường chăm sóc, sử dụng thức ăn bảo đảm dinh dưỡng, bổ sung vitamin, khoáng chất, men tiêu hóa, chế phẩm sinh học... giúp nâng cao sức đề kháng cho cá.

- Chủ cơ sở nuôi cần theo dõi nắm thông tin về tình hình dịch bệnh xảy ra trong khu vực/vùng, tình hình dự báo thời tiết và cảnh báo dịch bệnh của cơ quan chuyên môn để có biện pháp chủ động phòng tránh dịch bệnh.

- Quản lý tốt môi trường nước trong ao/bể nuôi, thực hiện khử trùng định kỳ bằng hóa chất, chế phẩm được phép sử dụng theo khuyến cáo của nhà sản xuất hoặc hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thủy sản), đảm bảo an toàn dịch bệnh.

- Bố trí ao/bể trữ nước và xử lý khử trùng nước trước khi cấp cho ao nuôi; khử trùng nguồn nước trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Thực hiện các biện pháp an toàn sinh học khác trong quá trình nuôi như quản lý hoạt động của con người, động vật, phương tiện ra vào khu vực ao nuôi. Thực hiện vệ sinh, khử trùng của người quản lý và công nhân khi ra, vào cơ sở. Có biện pháp ngăn chặn các vật chủ trung gian (các loài chim ăn cá) có thể mang tác nhân gây bệnh vào khu vực nuôi.

- Trường hợp ao/bể xảy ra bệnh ở vụ trước, cơ sở nuôi phải xử lý nước đảm bảo không còn mầm bệnh trước khi xả thải.

- Đối với nuôi cá lồng bè: Lồng nuôi đặt ở khu vực có dòng chảy thông thoáng. Khoảng cách giữa các lồng, các bè phải đảm bảo theo quy định kỹ thuật để tối ưu hóa việc lưu thông nước và hạn chế lây nhiễm chéo.

- Sử dụng các dụng cụ riêng cho từng ao/bể/lồng, bè nuôi và thực hiện vệ sinh khử trùng sau mỗi lần sử dụng.

- Cá bệnh, cá chết và chất thải của ao/bể/lồng/bè bị bệnh phải được thu gom và xử lý kịp thời bằng vôi bột, hóa chất được phép sử dụng trong nuôi trồng thủy sản, theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn của UBND cấp xã hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thủy sản hoặc thú y.

Để xử lý môi trường nước, tăng sức đề kháng cho thủy sản, cơ sở nuôi chỉ được sử dụng thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học trong Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam hoặc được cơ quan có thẩm quyền cho phép và theo hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành về thủy sản hoặc thú y. Ngừng sử dụng trước khi thu hoạch theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

2. Xây dựng và triển khai kế hoạch giám sát dịch bệnh:

a) Giám sát chủ động:

- Chủ cơ sở sản xuất chủ động lấy mẫu xét nghiệm theo hướng dẫn của cơ quan quản lý thủy sản hoặc thú y. Việc chủ động giám sát sẽ giúp phát hiện sớm nguy cơ nhiễm tác nhân gây bệnh để có biện pháp phòng bệnh, xử lý kịp thời.

- Kiểm tra định kỳ: Khuyến khích lấy mẫu cá để xét nghiệm xác định mầm bệnh định kỳ ít nhất 01 lần/tháng/ao đối với cá nuôi thương phẩm; 02 lần/tháng/ao đối với cá ở giai đoạn ương giống đối với cơ sở sản xuất giống và vùng nuôi trọng điểm.

b) Giám sát bị động:

- Khi phát hiện cá bị bệnh, chết bất thường chủ cơ sở phải khai báo cho thú y cơ sở hoặc cơ quan quản lý thủy sản nơi gần nhất, đồng thời thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thủy sản hoặc thú y.

- Chủ cơ sở chủ động phối hợp với cán bộ kiểm tra, lấy mẫu gửi phòng thử nghiệm để xét nghiệm xác định tác nhân gây bệnh.

c) Xử lý kết quả dương tính:

- Chủ cơ sở nuôi phải thông báo cho các cơ sở nuôi cá xung quanh để có các biện pháp phòng bệnh kịp thời tránh lây lan trên diện rộng.

- Cá chết, cá có biểu hiện sắp chết phải được vớt ra ngay khỏi ao nuôi và tiến hành xử lý hoặc tiêu hủy theo các quy định hiện hành. Không được vớt cá mắc bệnh, cá chết ra khu vực xung quanh gây ô nhiễm môi trường và làm lây lan dịch bệnh.

- Nếu cá đạt kích cỡ thương phẩm, khuyến khích chủ cơ sở thu hoạch và chỉ được phép vận chuyển cá ra ngoài vùng có dịch sau khi đã xử lý theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thủy sản hoặc thú y và hướng dẫn thực hiện của UBND cấp xã.

- Trường hợp cá chưa đạt kích cỡ thương phẩm:

+ Nếu mẫu cá cho kết quả xét nghiệm dương tính với mầm bệnh nhưng cá không có biểu hiện bệnh lý và vẫn hoạt động bình thường thì tăng cường các biện pháp chăm sóc, bổ sung các loại vitamin, khoáng chất và quản lý tốt chất lượng nước;

+ Trường hợp mẫu cá có biểu hiện bệnh lý, cho kết quả xét nghiệm (1) dương tính với mầm bệnh vi rút, người nuôi cần nhắc thu hoạch sớm hoặc tiêu hủy (tùy kích cỡ và giá trị sử dụng) theo quy định; (2) dương tính với vi khuẩn gây bệnh, chủ cơ sở cần nhắc điều trị hoặc thu hoạch hoặc tiêu hủy (tùy kích cỡ và giá trị sử dụng) theo quy định;

*Nếu lựa chọn phương án điều trị phải thực hiện theo quy định tại Thông tư số 12/2020/TT-BNNPTNT ngày 09/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất; kê đơn, đơn thuốc thú y và các văn bản khác có liên quan, cụ thể: Chỉ sử dụng kháng sinh khi thật sự cần thiết (khi có bằng chứng nhiễm khuẩn thứ cấp qua xét nghiệm và kết quả kháng sinh đồ) và khi cá còn khả năng hồi

phục, không điều trị kháng sinh đại trà trên diện rộng. Kháng sinh lựa chọn phải thuộc Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam hoặc được cơ quan có thẩm quyền cho phép. Cách sử dụng kháng sinh phải tuân theo hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thủy sản hoặc thú y.

+ Trường hợp cá chết nhiều ở thể cấp tính với tỷ lệ chết trên 50% thì cơ sở cần báo ngay cho cơ quan quản lý để có hướng dẫn xử lý kịp thời; đồng thời dừng cho cá ăn, không sử dụng thuốc, hóa chất, không xả nước ao ra ngoài cho đến khi có hướng dẫn của cơ quan chức năng.

- Chỉ được phép vận chuyển cá ra khỏi ao/bể/lồng bè bị bệnh khi đã xử lý theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y. Cá được vận chuyển đến cơ sở chế biến trong các dụng cụ chuyên dụng, đảm bảo an toàn vệ sinh thú y. Dụng cụ sau khi vận chuyển cá phải được vệ sinh khử trùng theo quy định của pháp luật.

- Nước và bùn đáy ao/bể phải được xử lý đảm bảo không còn mầm bệnh.

- Bờ ao, công cụ, dụng cụ, phương tiện chứa đựng cá bệnh phải được vệ sinh, khử trùng, tiêu độc.

- Các ao không bị bệnh: Theo dõi chặt chẽ các chỉ tiêu môi trường, sức khỏe cá; tăng cường chế độ chăm sóc quản lý nâng cao sức đề kháng cho cá; thực hiện các biện pháp phòng bệnh, hạn chế người qua lại giữa các ao.

- Trong quá trình thực hiện kế hoạch giám sát sức khỏe cá nuôi, chủ cơ sở tự đánh giá và điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với yêu cầu thực tế và đáp ứng yêu cầu về giám sát dịch bệnh.

3. Hồ sơ quản lý sức khỏe

Trong quá trình sản xuất, cơ sở phải thiết lập và duy trì hệ thống sổ theo dõi (bằng hình thức giấy/điện tử), các thông tin liên quan tới sức khỏe thủy sản; hồ sơ gồm:

- Hồ sơ mua bán giống, kiểm dịch giống.

- Hồ sơ theo dõi tình trạng sức khỏe cá và việc sử dụng thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học và sản phẩm xử lý cải tạo môi trường trong suốt quá trình sản xuất.

- Hồ sơ về các biện pháp kiểm soát bệnh và các dữ liệu, thông tin liên quan đến tình hình dịch bệnh phát sinh (nếu có).

Hồ sơ phải được lưu giữ đầy đủ, có hệ thống và xuất trình khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

4. Yêu cầu về thu hoạch sản phẩm

a) Cơ sở nuôi cá phải ngừng sử dụng thuốc, hóa chất trước thời điểm thu hoạch theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất, đảm bảo dư lượng thuốc, hóa chất trong sản phẩm thủy sản không vượt quá giới hạn cho phép, đáp ứng yêu cầu về an toàn thực phẩm và an toàn cho người tiêu dùng.

b) Trước khi thu hoạch, cơ sở chế biến phối hợp với cơ sở nuôi tổ chức lấy mẫu cá để phân tích các chỉ tiêu cần thiết theo yêu cầu của khách hàng; bảo đảm sản phẩm không tồn dư kháng sinh, hóa chất cấm, chất độc hại và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm soát này.

c) Cá sau thu hoạch phải được vận chuyển đến cơ sở chế biến bằng các dụng cụ, phương tiện chuyên dụng, bảo đảm điều kiện an toàn vệ sinh thú y. Dụng cụ, phương tiện vận chuyển sau khi sử dụng phải được vệ sinh, làm sạch và khử trùng bằng các biện pháp cơ học và hóa học phù hợp./.